TÒA ÁN NHÂN DÂN **T PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2018/HNGĐ-ST
Ngày 24-5-2018
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN T PHỐ HẢI PHÒNG

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Ngọc Quân

Bà Phạm Thị Thúy Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Tiến, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân T phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân T phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đ Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân T phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 54/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 943/2018/QĐXX-ST ngày 08 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Bích Đ; ĐKNKTT tại: Số 101 T, Tổ dân phố 12, phường T, quận K, T phố Hải Phòng. Hiện cư trú tại: Puli Township Nantou Country Taiwan Zhong Zheng road all the way 9 No; vắng mặt (nhưng đã có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Dương Thế T; ĐKNKTT tại: Số 101 T, Tổ dân phố 12, phường T, quận K, T phố Hải Phòng. Hiện đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 2 thuộc Sở Lao động Thương binh & Xã hội T phố Hải Phòng (địa chỉ: Thôn G, xã Đ, huyện T, T phố Hải Phòng); vắng mặt (nhưng đã có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, các bản tự khai của nguyên đơn chị Trần Thị Bích Đ trình bày:

Chị và anh Dương Thế T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận Kiến An, thành phố phố Hải Phòng vào ngày 14/9/2009. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính cách cũng như còn phụ thuộc kinh tế của bố mẹ, anh T không chịu làm ăn, ham chơi, tiêu xài phung phí lại còn đi vào con đường tệ nạn xã hội là nghiện mà túy dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đánh nhau, xúc phạm nhau, không còn yêu thương tôn trọng nhau nữa, mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện. Hiện nay, chị đang ở Đài Loan (Trung Quốc) sinh sống và làm ăn từ năm 2014, vợ chồng sống ly thân từ thời điểm đó đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, cuộc sống chung không có tương lai, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Khi Tòa án giải quyết vụ án ly hôn giữa chị và anh T, chị đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt chị.

Về con chung: Chị và anh T có một con chung là cháu Dương Minh T sinh ngày 14/7/2009, khi ly hôn chị đề nghị được nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con, chị và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị và anh T không có tài sản chung, không nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các bản tự khai, biên bản lấy lời khai anh Dương Thế T trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Đ về việc kết hôn, quá trình chung sống, mâu thuẫn vợ chồng. Anh bị mắc nghiện ma túy từ năm 2001 đến nay, anh đã nhiều lần phải cai nghiện nhưng không T, gần đây nhất anh vào cai nghiện từ ngày 03/10/2015 đến ngày 03/10/2017 nhưng về nhà được mấy ngày thì từ ngày 08/10/2017 anh lại phải quay lại cai nghiện lại cho đến nay. Anh xác nhận đến nay tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn của anh chị theo quy định của pháp luật.

Khi Tòa án giải quyết vụ án ly hôn giữa anh và chị Đ, anh đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt anh.

Về con chung: Anh và chị Đ có một con chung là cháu Dương Minh Tâm sinh ngày 14/7/2009, khi ly hôn chị Đ đề nghị được nuôi con anh đồng ý. Việc cấp dưỡng nuôi con, anh và chị Đ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh cũng thống nhất với lời trình bày của chị Đ, vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt nhưng đều đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố Hải Phòng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đúng quy định. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không có cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định của pháp luật chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ, giải quyết cho chị Đ được ly hôn với anh T, giao con chung cho chị Đ nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Trần Thị Bích Đ có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân T phố Hải Phòng giải quyết việc hôn nhân của chị và anh Dương Thế T, chị Đ hiện đang cư trú tại: Puli Township Nantou Country Taiwan Zhong Zheng road all the way 9 No. Theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân T phố Hải Phòng.

[2] Chị Trần Thị Bích Đ là nguyên đơn và anh Dương Thế T là bị đơn trong vụ án đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân T phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Bích Đ và anh Dương Thế T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Trần T Ngọ, quận Kiến An, T phố Hải Phòng vào ngày 14/9/2009. Theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Chị Đ và anh T đều xác định: Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, anh T nghiện ma túy không chăm lo cho gia đình, đến tháng 10/2014 chị Đ sang Đài Loan sinh sống và làm ăn, vợ chồng sống ly thân từ thời điểm đó đến nay. Xét việc chị Trần Thị Bích Đ đề nghị tòa án giải quyết cho ly hôn anh T và anh T cũng đồng ý do mục đích hôn nhân của hai người không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Bích Đ theo quy định khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về con chung: Chị Đ và anh T có một con chung là cháu Dương Minh Tâm sinh ngày 14/7/2009, khi ly hôn chị Đ đề nghị được nuôi con và anh cũng đồng ý giao con cho chị Đ nuôi. Bản thân cháu Tâm cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét hoàn cảnh cụ thể của hai anh chị và với nguyện vọng của con chung nên Tòa án căn cứ vào các Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình quyết định giao cháu Dương Minh Tâm cho chị Đ nuôi là phù hợp.

[6] Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Đ và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung: Chị Đ và anh T không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị Bích Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228, Điều 273, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Bích Đ và anh Dương Thế T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con cháu Dương Minh Tâm sinh ngày 14/7/2009 cho chị Trần Thị Bích Đ nuôi dưỡng đến khi con trưởng T hoặc có sự thay đổi khác.

Tiền cấp dưỡng nuôi con, chị Trần Thị Bích Đ và anh Dương Thế T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Trần Thị Bích Đ và anh Dương Thế T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị Bích Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, chị Đ được trừ 300.000 đồng (ba trăm

nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số AA/2014/0010060 ngày 06/10/2017 tại Chi Cục Thi hành án dân sự quận Kiến An, T phố Hải Phòng. Chị Trần Thị Bích Đ đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

- Chị Trần Thị Bích Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Anh Dương Thế T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường Trần T Ngọ;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Hồ Điệp

HỘI THẨM NHÂN DÂN		THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Huy Vĩnh	**Nguyễn Thị Linh Chi**	**Đặng Hồ Điệp**